02

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KHOA HỌC ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **Anh văn 2**
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Anh văn 2
Tiếng Việt:	Anh văn 2
Tiếng Anh:	English 2
Mã số học phần:	11 13 1 5 002
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ II
Loại học phần:	
■ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ■ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	43 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	100 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	Không có
Học phần tiên quyết:	x
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp cận với học phần Anh văn chuyên ngành, và vận dụng trong công việc sau này.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Trang bị cho sinh viên một cách hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, kỹ năng nghe và đọc, làm cơ sở giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu để có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế cũng như có kỹ năng giao tiếp để vận dụng trong công việc sau này.

Mục tiêu học phần *(CGs)*	**Mô tả** *(Course goal description)* *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)*	**Chuẩn đầu ra CTĐT** (ELOs)
CG1	Hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp (TOEIC)	ELO1
CG2	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu trong TOEIC	ELO2
CG3	Tìm hiểu và tiếp cận bài thi TOEIC quốc tế	ELO3
CG4	Kỹ năng giao tiếp và vận dụng trong công việc sau khi tốt nghiệp	ELO4

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

CĐR học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà SV tốt nghiệp cần phải có sau khi ra trường. CĐR của mỗi học phần phải đáp ứng một hay một vài chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ngược lại.

Chuẩn đầu ra HP*[1]*	**Mô tả CĐR học phần** *[2]* *(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)*	**Chuẩn đầu ra CTĐT***[3]*
CELO1	Kiến thức: nắm được các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp	ELO1
CELO2	Kỹ năng và mức tự chủ: rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu	ELO2
CELO3	Tự chịu trách nhiệm: vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đã rèn luyện để tiếp tục tự học tập nghiên cứu, và có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế.	ELO3, ELO4

Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần	**CĐR của CTĐT**			
	ELO1	**ELO2**	**ELO3**	**ELO4**
CELO1	H			
CELO2		H		
CELO3			M	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

***PP1. Phương pháp thuyết trình**: giúp sinh viên đạt CĐR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kĩ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...*

***PP2. Phương pháp động não**: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;*

***PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ**: giúp đạt được chuẩn đầu về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;*

***PP5. Phương pháp hoạt động nhóm**:giúp đạt được chuẩn đầu về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;*

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;

- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;

- Tham khảo tài liệu liên quan đến môn học;

- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: 01 bài kiểm tra giữa kỳ - bắt buộc; ngoài ra có thể đánh giá dựa trên điểm chuyên cần, và điểm bài tập… (tùy thuộc vào cách đánh giá của từng giảng viên)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm■ Thảo luận nhóm☐ Bài tập lớn☐ Thực hành☐ Khác☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: 01 bài thi KTHP

+ Hình thức thi:

Tự luận☐ Trắc nghiệm■ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1	Unit 8	CELO1,2	1 lần	40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	30%
	A1.2	Unit 9					
	A1.3	Unit 12					
	A1.4	Unit 13					
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1	Unit 8	CELO1,2,3	1 lần	40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	70%
	A2.2	Unit 9					
	A2.3	Unit 10					
	A2.4	Unit 11					
	A2.5	Unit 12					
	A2.6	Unit 13					
	A2.7	Unit 14					

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Số tiết	Chuẩn đầu ra của học phần
1	**Unit 8: Listening Test Part 1 – Photographs**	***- Dạy online*** - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	4	
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** - *Present tenses* - *Avoiding common distractors* - *Prepositions of place*			**CELO1,2**
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** - *Practice Test 2,3 – Part 1 - Photograps*			**CELO1,2,3**
2	**Unit 9: Listening Test Part 2 – Question/Response**	***- Dạy online*** - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	5	
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** - *Questions with indirect answers* - *Listening for question words and past/present/future time* - *Answering yes/no questions where the answer isn't yes or no*			**CELO1,2**
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** - *Practice Test 2,3 – Part 2 – Question-Response*			**CELO1,2,3**
3	**Unit 10: Listening Test Part 3 – Conversations**	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	5	
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** - *Expressing opinions* - *Using the 40-second rule to answer questions quickly* - *Answering what questions*			**CELO1,2**

	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** - *Practice Test 2,3 – Part 3 - Conversations*			**CELO1,2,3**
4	**Unit 11: Listening Test Part 4 – Talks**	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	**5**	
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** - *Voice mails and recorded messages* - *Tactics review: listening for specific details* - *When/Why and How questions*			**CELO1,2**
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** - *Practice Test 2,3 – Part 4 - Talks*			**CELO1,2,3**
5	**Unit 12: Reading Test Part 5 – Incomplete sentences**	***- Dạy online*** - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	**8**	
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** - *Infinitive and gerund forms after verbs* - *Using prefixes to guess meaning* - *Dependent prepositions*			**CELO1,2**
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** - *Practice Test 2,3 – Part 5 – Incomplete Sentences*			**CELO1,2,3**
6	**Unit 13: Reading Test Part 6 – Text completion**	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	**6**	
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** - *Linking words* - *Answering connecting content questions* - *Pronouns and posessive forms*			**CELO1,2**
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** - *Practice Test 2,3 – Part 6 – Text Completion*			**CELO1,2,3**
7	**Unit 14: Reading Test Part 7 – Reading comprehension**	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	**10**	
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** - *Answering main idea questions and inference questions* - *Answering connecting information questions* - *Answering NOT questions*			**CELO1,2**
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** - *Practice Test 2,3 – Part 7 – Reading Comprehension*			**CELO1,2,3**
8	***Tactics Review***	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	**2**	**CELO1,2,3**

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Module 1	M	H	M
Module 2	M	H	M
Module 3	M	H	M
Module 4	M	H	M
Module 5	M	H	M
Module 6	M	H	M
Module 7	M	H	M
Module 8	M	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Grand Trew, TACTICS FOR THE TOEIC TEST Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press, 2013

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lin Lougheed, Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman, 2010.

2. Anne Taylor, TOEIC Analyst. Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

3. Anne Taylor, Garrett Byrne, VERY EASY TOEIC Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 30% số tiết học trở lên, dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên phụ trách môn học

- Giảng viên phụ trách môn học: ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng, Phó Trưởng BM, Phụ trách Bộ Môn Ngoại Ngữ, Khoa Khoa học Đại Cương.

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: Giảng viên Bộ Môn Ngoại Ngữ, Khoa Khoa học Đại Cương.

10. Ngày phê duyệt: ...05./09./2021.....

TRƯỞNG KHOA KHOA HỌC ĐẠI CƯƠNG	P. TRƯỞNG BỘ MÔN Phụ trách BM Ngoại Ngữ	NGƯỜI BIÊN SOẠN
Lý Cẩm Hùng	ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	ThS. Tô Thị Lệ

Quy cách trình bày đề cương chi tiết học phần

Văn bản được trình bày trên giấy khổ A4 có kích thước chiều rộng 210 mm, chiều dài 279 mm; định dạng lề trên 20 mm, lề dưới 20 mm, lề trái 30 mm, lề phải 20 mm; sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, size 13; đặt 6pt giữa các đoạn văn; cách dòng đơn giữa các dòng; đánh số trang ở giữa, lề dưới bằng số Ả Rập từ trang đầu tiên đến trang cuối cùng.

(Nguồn: Tham khảo và có hiệu chỉnh từ Đào tạo theo CDIO: Từ thí điểm đến đại trà. (2014). ĐHQGHCM. tr.95-97).